

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**của CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01 /01/2016 đến ngày 31/12/2016**

## **MỤC LỤC**

|   | <u>Trang</u> |
|---|--------------|
| <b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>             | 03-05        |
| <b>2. Báo cáo tài chính hợp nhất</b>                | 06-37        |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                       | 06-09        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất       | 10-11        |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất                 | 12-13        |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc hợp nhất | 14-38        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty:

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 07 năm 2015 là 115.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ đồng*) tương đương 11.500.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại sơn, bột bả.

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u>     | <u>Chức vụ:</u> |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Mai Anh Tám     | Chủ tịch        |
| - Ông Nguyễn Văn Sơn  | Thành viên      |
| - Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên      |
| - Ông Đỗ Trần Mai     | Thành viên      |
| - Bà An Hà My         | Thành viên      |

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

| <u>Họ và tên :</u>     | <u>Chức vụ:</u> |
|------------------------|-----------------|
| - Bà Bùi Thị Thanh Nam | Trưởng ban      |
| - Ông Hoàng Trung Kiên | Thành viên      |
| - Bà Lê Thị Thoa       | Thành viên      |

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

| <u>Họ và tên :</u>   | <u>Chức vụ:</u>   |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Sơn | Tổng Giám đốc     |
| - Ông Trần Tuấn Kinh | Phó Tổng giám đốc |

#### 3. Trụ sở và cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty có công ty con như sau:

|   | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
|---|------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn | 95%              | 95%                        |

Theo cam kết góp vốn Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á có tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết đối với Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn là 90%. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 31/12/2016 tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết theo vốn thực góp là 95%.

Công ty có chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

| <u>Tên</u>                    | <u>Địa chỉ</u>  |
|-------------------------------|---|
| Nhà máy Sơn miền Bắc          | 59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội                                  |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh | 89/1B Quốc Lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng      | KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng                                  |

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng giám đốc Công ty xin được công bố sự kiện phát sinh quan trọng kể từ ngày kết thúc đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Công ty chưa góp đủ vốn vào công ty con theo cam kết, số vốn thực góp đến thời điểm lập báo cáo này là 43,299 tỷ đồng.

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng cho rằng, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính này hợp nhất, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **7. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017*

**TM. Ban Tổng giám đốc**

---

**Nguyễn Văn Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01- DN

Đơn vị : VND

| <b>TÀI SẢN</b>                                  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b>   |                    | <b>145,983,807,824</b> | <b>120,104,307,779</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>110</b>   | <b>VI.1</b>        | <b>65,142,529,540</b>  | <b>46,602,422,801</b>  |
| 1. Tiền   | 111          |                    | 65,142,529,540         | 46,602,422,801         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                   | 112          |                    | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>            | <b>120</b>   | <b>VI.2</b>        | -                      | -                      |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                       | 121          |                    | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122          |                    | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 123          |                    | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>         | <b>130</b>   |                    | <b>43,069,663,164</b>  | <b>40,174,568,293</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131          | VI.3               | 23,999,631,888         | 24,200,700,368         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132          | VI.4               | 4,591,768,112          | 3,741,116,983          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                     | 133          |                    | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD          | 134          |                    | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                 | 135          | VI.5               | 2,608,157,887          | 4,141,305,991          |
| 6. Các khoản phải thu khác                      | 136          | VI.6               | 12,461,952,421         | 8,091,444,951          |
| 7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)                | 137          |                    | (591,847,144)          | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                      | 139          |                    | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                         | <b>140</b>   | <b>VI.7</b>        | <b>27,473,933,428</b>  | <b>24,037,628,232</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                 | 141          |                    | 27,473,933,428         | 24,037,628,232         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)           | 149          |                    | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>150</b>   |                    | <b>10,297,681,692</b>  | <b>9,289,688,453</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151          | VI.11              | 9,289,897,374          | 9,089,616,987          |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152          |                    | 1,007,784,318          | 192,071,466            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 153          |                    | -                      | 8,000,000              |
| 4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ       | 154          |                    | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                        | 155          |                    | -                      | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b>   |                    | <b>65,969,827,529</b>  | <b>80,786,696,713</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b>   |                    | <b>10,068,200,000</b>  | <b>20,223,200,000</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211          |                    | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212          |                    | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213          |                    | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214          |                    | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215          |                    | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216          |                    | 10,068,200,000         | 20,223,200,000         |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)        | 219          |                    | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị : VND

| <b>TÀI SẢN</b>                                    | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>II. Tài sản cố định</b>                        | <b>220</b>   |                    | <b>44,441,516,949</b>  | <b>23,739,784,978</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                       | 221          | VI.8               | 36,260,135,409         | 22,646,752,655         |
| - Nguyên giá                                      | 222          |                    | 55,599,834,253         | 37,481,874,016         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                          | 223          |                    | (19,339,698,844)       | (14,835,121,361)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính                 | 224          | VI.9               | 1,453,031,812          | 1,093,032,323          |
| - Nguyên giá                                      | 225          |                    | 1,712,487,273          | 1,124,261,818          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                          | 226          |                    | (259,455,461)          | (31,229,495)           |
| 3. Tài sản cố định vô hình                        | 227          |                    | 6,728,349,728          | -                      |
| - Nguyên giá                                      | 228          | VI.9               | 6,765,356,300          | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                          | 229          |                    | (37,006,572)           | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                   | <b>230</b>   |                    | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                      | 231          |                    | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                      | 232          |                    | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>                | <b>240</b>   | <b>VI.10</b>       | <b>2,272,451,136</b>   | <b>412,404,379</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn   | 241          |                    | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                | 242          |                    | 2,272,451,136          | 412,404,379            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>                | <b>250</b>   | <b>VI.2</b>        | <b>9,000,000,000</b>   | <b>36,000,000,000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                         | 251          |                    | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh        | 252          |                    | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                 | 253          |                    | 9,000,000,000          | 36,000,000,000         |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254          |                    | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)      | 255          |                    | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                   | <b>260</b>   |                    | <b>187,659,444</b>     | <b>411,307,356</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                      | 261          | VI.11              | 187,659,444            | 411,307,356            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                 | 262          |                    | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn    | 263          |                    | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                           | 268          |                    | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                          | <b>270</b>   |                    | <b>211,953,635,353</b> | <b>200,891,004,492</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B01-DN**

Đơn vị : VND

| <b>NGUỒN VỐN</b>                               | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|--|--------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b>   |                    | <b>66,876,045,814</b> | <b>64,745,386,545</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b>   |                    | <b>65,495,680,254</b> | <b>62,964,934,321</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311          | VI.13              | 26,067,432,028        | 21,573,869,422        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312          | VI.14              | 2,214,120,365         | 2,971,315,224         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313          | VI.15              | 5,135,471,930         | 6,398,037,108         |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314          |                    | 2,456,956,191         | 1,091,137,925         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315          | VI.16              | 490,000,000           | 490,000,000           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                    | 316          |                    | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD         | 317          |                    | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | 318          |                    | -                     | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319          | VI.17              | 912,374,036           | 3,199,468,157         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 320          | VI.12              | 27,049,518,923        | 26,465,815,381        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                 | 321          |                    | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 322          |                    | 1,169,806,781         | 775,291,104           |
| 13. Quỹ bình ổn giá                            | 323          |                    | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324          |                    | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b>   |                    | <b>1,380,365,560</b>  | <b>1,780,452,224</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                  | 331          |                    | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn            | 332          |                    | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                    | 333          |                    | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh           | 334          |                    | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                     | 335          |                    | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn            | 336          |                    | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                       | 337          |                    | 117,350,000           | 117,350,000           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338          | VI.12              | 1,263,015,560         | 1,663,102,224         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                       | 339          |                    | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                            | 340          |                    | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            | 341          |                    | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                  | 342          |                    | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ       | 343          |                    | -                     | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị: VND

| <b>NGUỒN VỐN</b>                                | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b>   |                    | <b>145,077,589,539</b> | <b>136,145,617,947</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b>   | <b>VL.18</b>       | 145,077,589,539        | 136,145,617,947        |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411          |                    | 117,500,000,000        | 115,000,000,000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a         |                    | 117,500,000,000        | 115,000,000,000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b         |                    | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412          |                    | 41,545,455             | 41,545,455             |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413          |                    | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414          |                    | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*)                             | 415          |                    | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416          |                    | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417          |                    | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418          |                    | 10,899,319,148         | 8,899,319,148          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419          |                    | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420          |                    | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận chưa phân phối                    | 421          |                    | 16,636,724,936         | 12,204,753,344         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a         |                    | -                      | -                      |
| - LNST chưa phân phối năm này                   | 421b         |                    | 16,636,724,936         | 12,204,753,344         |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422          |                    | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b>   |                    | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431          |                    | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ            | 432          |                    | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b>   |                    | <b>211,953,635,353</b> | <b>200,891,004,492</b> |

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SON ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu số B02-DN**

Đơn vị : VND

| Chỉ tiêu  | Mã số     | Thuyết minh  | Quý IV                |                       | Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý |                        |
|---|-----------|--------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|------------------------|
|   |           |              | Năm nay               | Năm trước             | Năm nay                        | Năm trước              |
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>        | <b>01</b> | <b>VII.1</b> | <b>66,895,615,180</b> | <b>52,113,743,927</b> | <b>181,720,991,091</b>         | <b>150,426,022,506</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        | VII.2        | 6,874,593,110         |                       | <b>6,874,593,110</b>           | -                      |
| <b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> |              | <b>60,021,022,070</b> | <b>52,113,743,927</b> | <b>174,846,397,981</b>         | <b>150,426,022,506</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                     | 11        | VII.3        | 38,129,221,992        | 33,211,030,908        | 103,564,244,855                | 90,134,702,220         |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |              | <b>21,891,800,078</b> | <b>18,902,713,019</b> | <b>71,282,153,126</b>          | <b>60,291,320,286</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | VII.4        | 112,307,736           | 7,224,645             | 147,195,079                    | 36,958,146             |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22        | VII.5        | 797,687,945           | 493,488,918           | 2,162,273,929                  | 1,907,787,836          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                             | 23        |              | 797,687,945           | 493,488,918           | 2,162,273,929                  | 1,907,787,836          |
| 8. Chi phí bán hàng                                     | 25        | VII.8        | 11,344,633,032        | 8,976,567,585         | 38,023,380,302                 | 33,293,791,022         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 26        | VII.8        | 2,855,991,560         | 2,223,997,216         | 10,762,728,255                 | 9,185,270,231          |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>      | <b>30</b> |              | <b>7,005,795,277</b>  | <b>7,215,883,945</b>  | <b>20,480,965,719</b>          | <b>15,941,429,343</b>  |
| 11. Thu nhập khác                                       | 31        | VII.6        | 491,328,441           | (399,870,000)         | 602,998,991                    | 70,251,255             |
| 12. Chi phí khác  | 32        | VII.7        | 777,062               | (136,363,636)         | 9,297,364                      | -                      |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                               | <b>40</b> |              | <b>490,551,379</b>    | <b>(263,506,364)</b>  | <b>593,701,627</b>             | <b>70,251,255</b>      |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>            | <b>50</b> |              | <b>7,496,346,656</b>  | <b>6,952,377,581</b>  | <b>21,074,667,346</b>          | <b>16,011,680,598</b>  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 51        | VII.9        | 1,499,269,331         | 1,522,170,802         | 4,214,933,469                  | 3,515,217,488          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SON ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

|   |           |                      |                      |                       |                       |
|---|-----------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                      | 52        |                      |                      | -                     | -                     |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>60</b> | <b>5,997,077,325</b> | <b>5,430,206,779</b> | <b>16,859,733,877</b> | <b>12,496,463,110</b> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                    | 70        | 521                  | 472                  | 1,466                 | 1,087                 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)                  | 71        |                      |                      |                       |                       |

**Người lập****Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

**Tổng Giám đốc****Nguyễn Hồng Thái****Hoàng Văn Tuấn****Nguyễn Văn Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)****Mẫu số B03-DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị : VND

| Chỉ tiêu   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>      |           |             |                       |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                         | <b>01</b> |             | <b>21,074,667,346</b> | <b>16,011,680,598</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>                     |           |             |                       |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định                             | 02        |             | 4,504,577,483         | 3,423,989,205           |
| - Các khoản dự phòng                                   | 03        |             | 591,847,144           | -                       |
| Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các  | 04        |             |                       |                         |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                          | 05        |             | (147,195,079)         | (36,958,146)            |
| - Chi phí lãi vay                                      | 06        |             | 2,162,273,929         | 1,907,787,836           |
| - Các khoản điều chỉnh khác                            | 07        |             |                       |                         |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay</b> | <b>08</b> |             | <b>28,186,170,823</b> | <b>21,306,499,493</b>   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                        | 09        |             | (3,835,802,971)       | (3,045,157,528)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                              | 10        |             | (3,436,305,196)       | 502,059,929             |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay      |           |             | 6,104,339,755         | 2,002,942,952           |
| phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)         | 11        |             |                       |                         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                         | 12        |             | 23,367,525            | (1,798,210,232)         |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                    | 13        |             | -                     | (879,641,891)           |
| - Tiền lãi vay đã trả                                  | 14        |             | (2,162,273,929)       | (1,907,787,836)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                    | 15        |             | (4,372,915,922)       | (2,177,180,779)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                | 16        |             |                       | 3,148,877,092           |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh               | 17        |             |                       |                         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> |             | <b>20,506,580,085</b> | <b>17,152,401,200</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>         |           |             |                       |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài       |           |             |                       |                         |
| sản dài hạn khác                                       | 21        |             | (37,352,698,110)      | (15,695,510,260)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các        |           |             |                       |                         |
| tài sản dài hạn khác                                   | 22        |             | 6,725,144,300         |                         |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn        |           |             |                       |                         |
| vị khác  | 23        |             | (2,223,276,104)       | (1,732,645,986)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của    |           |             |                       |                         |
| đơn vị khác  | 24        |             | 690,128,000           | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             | 25        |             | -                     |                         |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác         | 26        |             | 37,155,000,000        |                         |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được      |           |             |                       |                         |
| chia   | 27        |             | 147,195,079           | 36,958,146              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>       | <b>30</b> |             | <b>5,141,493,165</b>  | <b>(17,391,198,100)</b> |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>     |           |             |                       |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp        |           |             |                       |                         |
| của chủ sở hữu   | 31        |             | 2,500,000,000         | 29,300,000,000          |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu             | 32        |             |                       |                         |
| mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành         |           |             |                       |                         |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                | 33        |             | 78,670,816,325        | 75,075,259,018          |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                             | 34        |             | (78,087,112,783)      | (67,340,649,773)        |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                      | 35        |             | (400,086,664)         | (269,200,000)           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

|   |           |                        |                       |
|---|-----------|------------------------|-----------------------|
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu          | 36        | (9,791,583,389)        | (5,883,367,030)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b> | <b>40</b> | <b>(7,107,966,511)</b> | <b>30,882,042,215</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>               | <b>50</b> | <b>18,540,106,739</b>  | <b>30,643,245,315</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>              | <b>60</b> | <b>46,602,422,801</b>  | <b>15,959,177,486</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi      | 61        |                        |                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>             | <b>70</b> | <b>65,142,529,540</b>  | <b>46,602,422,801</b> |

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

**Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Nguyễn Hồng Thái****Hoàng Văn Tuấn****Nguyễn Văn Sơn**

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/11/2006, thay đổi lần 09 ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 07 năm 2015 là 115.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ đồng*) tương đương 11.500.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sơn, bột bả.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

##### 4.1. Các công ty con

###### a) Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á Sài Gòn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở tại Lô J7, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 cấp ngày 07/03/2016 là 50.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Năm mươi tỉ đồng chẵn./.)

Theo Đăng ký kinh doanh tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2016:

|   | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |
|---|------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á Sài Gòn | 95%              | 95%                        |

Thực tế đến ngày 31/12/2016 đã góp là 43,299 tỷ, chiếm 95% vốn góp.

##### 4.2 Các chi nhánh và đơn vị trực thuộc

| <u>Tên</u>                    | <u>Địa chỉ</u>  |
|-------------------------------|---|
| Nhà máy Sơn miền Bắc          | 59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội                                  |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh | 89/1B Quốc Lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng      | KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng                                  |

#### 5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

#### 6. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

#### **4. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con là Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn (gọi chung là “Tập đoàn”).

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**a) Chứng khoán kinh doanh:**

**b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

**c) Các khoản cho vay:**

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

**d) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

#### **e) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**f)** Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

#### **g) Lập dự phòng đầu tư tài chính**

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

#### **a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

#### **b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

#### **a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### ***b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

#### ***c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

#### ***a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định***

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |           |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-55 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 03-08 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 05-06 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03-05 năm |

#### ***b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản thuê tài chính***

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

#### ***c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Việc khấu hao bất động sản đầu tư thực hiện như sau:

- Đối với bất động sản đầu tư cho thuê: Thực hiện tính khấu hao như qui định
- Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Không tính khấu hao.

### **7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HDA-KSHN ngày 18 tháng 08 năm 2014, Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á đầu tư vào dự án: Khai thác và chế biến mỏ đá Hoa Liễu Đô 3, Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội làm chủ đầu

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

tư, tổng số vốn góp là 10 tỷ đồng tương đương với 16,21% tổng mức vốn tự có dự kiến đầu tư vào dự án và hưởng lợi nhuận hoặc chịu lỗ theo tỷ lệ góp vốn.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014/HDA-NTL ngày 05/09/2014, Công ty cổ phần Hãng Sơn Đông Á đầu tư vào dự án: Nhà ở chung cư cao tầng, kết hợp với dịch vụ thương mại và nhà trẻ do Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long làm chủ đầu tư, tổng số vốn góp là 10 tỷ tương đương với 13,33% tổng mức vốn tự có dự kiến đầu tư vào dự án và hưởng lợi nhuận hoặc chịu lỗ từ dự án tương đương với tỷ lệ góp vốn.

#### **8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

#### **10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### ***d) Doanh thu hợp đồng xây dựng***

#### ***e) Thu nhập khác***

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

### **17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

### **18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

### **19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

### **21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

#### **22. Công cụ tài chính**

##### ***a) Tài sản tài chính***

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

##### ***b) Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

#### **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### ***Lĩnh vực kinh doanh***

Lĩnh vực kinh doanh sản xuất và kinh doanh: sơn, bột bả...

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

##### ***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị : VND

**1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                        | 11,758,756,480               | 9,216,697,494                |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 53,383,773,060               | 37,346,725,307               |
| Tiền đang chuyển                | -                            | 39,000,000                   |
| Các khoản tương đương tiền      | -                            | -                            |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>65,142,529,540</u></b> | <b><u>46,602,422,801</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

|   | <b>Số cuối kỳ</b>    |          |                | <b>Số đầu năm</b>     |          |                |
|---|----------------------|----------|----------------|-----------------------|----------|----------------|
|   | Giá gốc              | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc               | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| a) Chứng khoán kinh doanh                                 |                      |          |                |                       |          |                |
| b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                        |                      |          |                |                       |          |                |
| b1) Ngắn hạn  |                      |          |                |                       |          |                |
| b2) Dài hạn   |                      |          |                |                       |          |                |
| - Đầu tư vào công ty con                                  | -                    | -        | -              | -                     | -        | -              |
| + Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn                 |                      |          |                |                       |          |                |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết                  |                      |          |                |                       |          |                |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                          | 9,000,000,000        | -        | -              | 36,000,000,000        | -        | -              |
| + Công ty Cổ phần GoldStar Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 18%    | 9,000,000,000        | -        | -              | 9,000,000,000         | -        | -              |
| + Công ty TNHH Create Capital Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 18% | -                    | -        | -              | 27,000,000,000        | -        | -              |
| <b>Cộng</b>   | <b>9,000,000,000</b> | <b>-</b> | <b>-</b>       | <b>36,000,000,000</b> | <b>-</b> | <b>-</b>       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

|   | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a) Phải thu khách hàng ngắn hạn   | 23,999,631,888        | 24,200,700,368        |
| Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu) | -                     | -                     |
| Các khách hàng khác   | 23,999,631,888        | 24,200,700,368        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>23,999,631,888</b> | <b>24,200,700,368</b> |

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|---|----------------------|----------------------|
| - Công ty Cổ phần Nguyên liệu Vigracera | 750,000,000          | 750,000,000          |
| - Các đối tượng khác                    | 3,841,768,112        | 2,991,116,983        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>4,591,768,112</b> | <b>3,741,116,983</b> |

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

|                               | Số cuối kỳ           |          | Số đầu năm           |          |
|-------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                               | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <b>a) Ngắn hạn</b>            |                      |          |                      | -        |
| Phải thu về cho vay           | 2,608,157,887        |          | 4,141,305,991        | -        |
| - Bà Trần Thị Thu Hiền        | -                    |          | 1,267,620,000        |          |
| - Bà Trần Thị Lan Anh (1)     |                      |          | 850,000,000          |          |
| - Bà Lê Như Ngọc              | -                    |          | 794,900,000          |          |
| - Bà Nguyễn Thị Thùy Linh (2) | 350,000,000          |          | -                    |          |
| - Ông Vũ Văn Luân (3)         | 400,000,000          |          | -                    |          |
| - Bà Vũ Thị Tuyết (3)         | 500,000,000          |          |                      |          |
| - Các đối tượng khác          | 1,358,157,887        |          | 1,228,785,991        |          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>2,608,157,887</b> | -        | <b>4,141,305,991</b> | -        |

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 06/2016/HĐVV-HSDA ngày 30/11/2016, giữa Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á và bà Vũ Thị Tuyết số tiền 500.000.000, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

(2) Theo hợp đồng vay vốn số 03/2016/HĐVV-HSDA ngày 20/09/2016, giữa Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á và bà Nguyễn Thị Thùy Linh số tiền 850.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

(3) Theo hợp đồng vay vốn số 05/2016/HĐVV-HSDA ngày 29/09/2016, giữa Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á và Ông Vũ Văn Luân số tiền 600.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

**6. PHẢI THU KHÁC**

|  | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm            |          |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn  | 12,461,952,421        | -        | 8,091,444,951         | -        |
| - Các khoản phải thu khác                          | 12,461,952,421        | -        | 8,091,444,951         | -        |
| + Phải thu khác                                    | 5,322,241,477         | -        | 1,317,167,734         | -        |
| + Tạm ứng (i)                                      | 7,139,710,944         | -        | 6,774,277,217         | -        |
| b) Dài hạn   | 10,068,200,000        | -        | 20,223,200,000        | -        |
| + Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược                | 68,200,000            | -        | 183,200,000           | -        |
| + Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nội (ii)           | -                     | -        | 10,000,000,000        | -        |
| + Công ty CP Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long (iii) | 10,000,000,000        | -        | 10,000,000,000        | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>22,530,152,421</b> | -        | <b>28,314,644,951</b> | -        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HDA-KSHN ngày 18 tháng 08 năm 2014, Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á đầu tư vào dự án: Khai thác và chế biến mỏ đá Hoa Liễu Đô 3, Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội làm chủ đầu tư, tổng số vốn góp là 10.000.000.000 đồng tương đương với 16,21% tổng mức vốn tự có dự kiến đầu tư vào dự án và hưởng lợi nhuận hoặc chịu lỗ từ dự án tương đương với tỷ lệ góp vốn. Tuy nhiên, do tiến độ dự án không đảm bảo, nên Công ty đã tiến hành thu hồi vốn đầu tư tại Dự án này.

(iii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014/HDA-NTL ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á đầu tư vào dự án: Nhà ở chung cư cao tầng, kết hợp với dịch vụ thương mại và nhà trẻ do Công ty CP Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long làm chủ đầu tư, tổng số vốn góp là 10.000.000.000 VND tương đương với 13,33% tổng mức vốn tự có dự kiến đầu tư vào dự án và hưởng lợi nhuận hoặc chịu lỗ từ dự án tương đương với tỷ lệ góp vốn.

**7. HÀNG TỒN KHO**

|                      | <b>Số cuối kỳ</b>     |          | <b>Số đầu năm</b>     |          |
|----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu      | 12,840,591,789        | -        | 7,317,425,210         | -        |
| Công cụ, dụng cụ     | 652,106,997           | -        | 181,842,111           | -        |
| Chi phí SXKD dở dang | 3,317,015,222         | -        | 3,410,234,119         | -        |
| Thành phẩm nhập kho  | 5,907,126,893         | -        | 4,642,834,417         | -        |
| Hàng hóa             | 4,702,643,805         | -        | 8,430,843,653         | -        |
| Hàng gửi bán         | 54,448,722            | -        | 54,448,722            | -        |
| <b>Cộng</b>          | <b>27,473,933,428</b> | <b>-</b> | <b>24,037,628,232</b> | <b>-</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị : VND

| <b>Khoản mục</b>                  | <b>Nhà cửa<br/>vật kiến trúc</b> | <b>Máy móc<br/>thiết bị</b> | <b>Phương tiện<br/>vận tải</b> | <b>Thiết bị<br/>dụng cụ quản lý</b> | <b>Tổng cộng</b> |
|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>              |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| Số dư đầu năm                     | 11,757,372,652                   | 17,984,353,785              | 7,638,583,942                  | 101,563,637                         | 37,481,874,016   |
| Tăng trong kỳ                     | 11,988,292,920                   | 9,339,448,456               | 1,508,239,745                  | 31,700,000                          | 22,867,681,121   |
| - Mua trong kỳ                    | 215,730,600                      | 4,132,162,044               | 1,146,616,364                  |                                     | 5,494,509,008    |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành         | 11,772,562,320                   |                             |                                |                                     | 11,772,562,320   |
| - Tăng khác                       |                                  | 5,207,286,412               | 361,623,381                    | 31,700,000                          | 5,600,609,793    |
| Giảm trong kỳ                     | -                                | 4,749,720,884               | -                              | -                                   | 4,749,720,884    |
| - Chuyển sang BĐSĐT               |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| - Thanh lý, nhượng bán            |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| - Giảm khác                       | -                                | 4,749,720,884               |                                |                                     | 4,749,720,884    |
| Số dư cuối kỳ                     | 23,745,665,572                   | 22,574,081,357              | 9,146,823,687                  | 133,263,637                         | 55,599,834,253   |
| <b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| Số dư đầu năm                     | 2,439,713,659                    | 7,100,181,782               | 5,193,662,283                  | 101,563,637                         | 14,835,121,361   |
| Tăng trong kỳ                     | 599,917,969                      | 2,855,354,862               | 1,048,115,901                  | 1,188,751                           | 4,504,577,483    |
| - Số khấu hao trong kỳ            | 599,917,969                      | 2,855,354,862               | 1,048,115,901                  | 1,188,751                           | 4,504,577,483    |
| - Tăng khác                       |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| Giảm trong kỳ                     | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| - Thanh lý, nhượng bán            |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| - Giảm khác                       | -                                |                             |                                |                                     | -                |
| Số dư cuối kỳ                     | 3,039,631,628                    | 9,955,536,644               | 6,241,778,184                  | 102,752,388                         | 19,339,698,844   |
| <b>III. Giá trị còn lại</b>       |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| 1. Tại ngày đầu năm               | 9,317,658,993                    | 10,884,172,003              | 2,444,921,659                  | -                                   | 22,646,752,655   |
| 2. Tại ngày cuối kỳ               | 20,706,033,944                   | 12,618,544,713              | 2,905,045,503                  | 30,511,249                          | 36,260,135,409   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị : VND

| <b>Khoản mục</b>                           | <b>Nhà cửa<br/>vật kiến trúc</b> | <b>Máy móc<br/>thiết bị</b> | <b>Phương tiện<br/>vận tải</b> | <b>Thiết bị<br/>dụng cụ quản lý</b> | <b>Tổng cộng</b> |
|--|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>                       |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| Số dư đầu năm                              | -                                | -                           | 1,124,261,818                  | -                                   | 1,124,261,818    |
| Tăng trong kỳ                              | -                                | -                           | 588,225,455                    | -                                   | 588,225,455      |
| - Thuê tài chính trong kỳ                  |                                  |                             | 588,225,455                    |                                     | 588,225,455      |
| - Mua lại TSCĐ thuê tài chính              |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| - Tăng khác                                | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| Giảm trong kỳ                              | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| - Trả lại TSCĐ thuê tài chính              |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| - Giảm khác                                | -                                |                             |                                |                                     | -                |
| Số dư cuối kỳ                              | -                                | -                           | 1,712,487,273                  | -                                   | 1,712,487,273    |
| <b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>          |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| Số dư đầu năm                              | -                                | -                           | 31,229,495                     | -                                   | 31,229,495       |
| Tăng trong kỳ                              | -                                | -                           | 228,225,966                    | -                                   | 228,225,966      |
| - Khấu hao trong kỳ                        |                                  |                             | 228,225,966                    |                                     | 228,225,966      |
| - Mua lại TSCĐ thuê tài chính<br>trong năm |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| - Tăng khác                                | -                                |                             |                                |                                     | -                |
| Giảm trong kỳ                              | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| - Trả lại TSCĐ thuê tài chính trong<br>kỳ  |                                  |                             |                                |                                     | -                |
| - Giảm khác                                | -                                |                             |                                |                                     | -                |
| Số dư cuối kỳ                              | -                                | -                           | 259,455,461                    | -                                   | 259,455,461      |
| <b>III. Giá trị còn lại</b>                |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| 1. Tại ngày đầu năm                        | -                                | -                           | 1,093,032,323                  | -                                   | 1,093,032,323    |
| 2. Tại ngày cuối kỳ                        | -                                | -                           | 1,453,031,812                  | -                                   | 1,453,031,812    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| <b>Khoản mục</b>                  | <b>Nhà cửa<br/>vật kiến trúc</b> | <b>Máy móc<br/>thiết bị</b> | <b>Phương tiện<br/>vận tải</b> | <b>Thiết bị<br/>dụng cụ quản lý</b> | <b>Tổng cộng</b> |
|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| <b>I. Nguyên giá</b>              |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| Số dư đầu năm                     | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| Tăng trong kỳ                     | 6,725,144,300                    | -                           | -                              | 40,212,000                          | 6,765,356,300    |
| - Mua trong kỳ                    | 6,725,144,300                    | -                           | -                              | 40,212,000                          | 6,765,356,300    |
| - Tăng khác                       | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| Giảm trong kỳ                     | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| - Thanh lý, nhượng bán            | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| - Giảm khác                       | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| Số dư cuối kỳ                     | 6,725,144,300                    | -                           | -                              | 40,212,000                          | 6,765,356,300    |
| <b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| Số dư đầu năm                     | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| Tăng trong kỳ                     | 33,655,572                       | -                           | -                              | 3,351,000                           | 37,006,572       |
| - Khấu hao trong kỳ               | 33,655,572                       | -                           | -                              | 3,351,000                           | 37,006,572       |
| - Tăng khác                       | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| Giảm trong kỳ                     | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| - Thanh lý, nhượng bán            | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| - Giảm khác                       | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| Số dư cuối kỳ                     | 33,655,572                       | -                           | -                              | 3,351,000                           | 37,006,572       |
| <b>III. Giá trị còn lại</b>       |                                  |                             |                                |                                     |                  |
| 1. Tại ngày đầu năm               | -                                | -                           | -                              | -                                   | -                |
| 2. Tại ngày cuối kỳ               | 6,691,488,728                    | -                           | -                              | 36,861,000                          | 6,728,349,728    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

|   | <b>Số cuối kỳ</b>    |                        | <b>Số đầu năm</b>  |                        |
|---|----------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
|   | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi |
| a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn |                      |                        |                    |                        |
| b) Xây dựng cơ bản dở dang                      | 2,272,451,136        | 2,272,451,136          | 412,404,379        | 412,404,379            |
| - <i>Mua sắm TSCĐ</i>                           | 2,272,451,136        | 2,272,451,136          | 412,404,379        | 412,404,379            |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>2,272,451,136</b> | <b>2,272,451,136</b>   | <b>412,404,379</b> | <b>412,404,379</b>     |

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                    | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| a) <i>Ngắn hạn</i> | 9,289,897,374        | 9,089,616,987        |
| b) <i>Dài hạn</i>  | 187,659,444          | 411,307,356          |
| <b>Cộng</b>        | <b>9,477,556,818</b> | <b>9,500,924,343</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị : VND

|  | Số cuối kỳ            |                       | Trong kỳ              |                       | Số đầu năm            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng trong kỳ         | Giảm trong kỳ         | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| <b>a) Vay ngắn hạn</b>   | <b>27,049,518,923</b> | <b>27,049,518,923</b> | <b>78,025,136,325</b> | <b>77,441,432,783</b> | <b>26,465,815,381</b> | <b>26,465,815,381</b> |
| Vay ngắn hạn VND   | 27,049,518,923        | 27,049,518,923        | 78,025,136,325        | 77,441,432,783        | 26,465,815,381        | 26,465,815,381        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quang Trung (i)        | 10,109,048,931        | 10,109,048,931        | 25,263,461,360        | 23,103,351,519        | 7,948,939,090         | 7,948,939,090         |
| Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đông Hà Nội (ii)                | 13,270,802,005        | 13,270,802,005        | 40,736,083,445        | 42,454,951,076        | 14,989,669,636        | 14,989,669,636        |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN - CN Trần Duy Hưng (iii)             | 3,669,667,987         | 3,669,667,987         | 12,025,591,520        | 11,883,130,188        | 3,527,206,655         | 3,527,206,655         |
| <b>b) Vay dài hạn</b>  | <b>1,263,015,560</b>  | <b>1,263,015,560</b>  | <b>645,680,000</b>    | <b>1,045,766,664</b>  | <b>1,663,102,224</b>  | <b>1,663,102,224</b>  |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quang Trung (*)        | 115,555,560           | 115,555,560           | -                     | 339,866,664           | 455,422,224           | 455,422,224           |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm - Hà Nội (**)        | 67,000,000            | 67,000,000            | -                     | 175,800,000           | 242,800,000           | 242,800,000           |
| Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (***) | 1,080,460,000         | 1,080,460,000         | 645,680,000           | 530,100,000           | 964,880,000           | 964,880,000           |
| <b>Cộng</b>  | <b>28,312,534,483</b> | <b>28,312,534,483</b> | <b>78,670,816,325</b> | <b>78,487,199,447</b> | <b>28,128,917,605</b> | <b>28,128,917,605</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**Vay ngắn hạn:**

(i): Hợp đồng tín dụng số 2015/4729252/HĐTDHM ngày 26 tháng 8 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 13.482.264.439 tỷ đồng, thời hạn vay không quá sáu tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(ii): Hợp đồng tín dụng số 140-03/2015-HĐTDHM/NHCT131-HDA ngày 31 tháng 08 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng, thời hạn vay không quá sáu tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(iii): Hợp đồng tín dụng số SHBVN/2012/0057 ngày 16 tháng 11 năm 2015 vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá sáu tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

**Vay dài hạn:**

(\*): Hợp đồng tín dụng số 01/2014/472252/HĐTDTH ngày 29 tháng 4 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung - Hà Nội, hạn mức tín dụng là 350.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(\*): Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4729252/HĐTD ngày 21 tháng 4 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung - Hà Nội, hạn mức tín dụng là 260.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(\*\*): Hợp đồng tín dụng số 629.14.081.1978415.TD ngày 03 tháng 7 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm - Hà Nội, hạn mức tín dụng là 400.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(\*\*): Hợp đồng tín dụng số 630.14.081.1978415.TD ngày 24 tháng 7 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm - Hà Nội, hạn mức tín dụng là 148.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 24 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(\*\*\*): Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 vay Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(\*\*\*): Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 vay Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 632.000.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|   | Số cuối kỳ            |                       | Số đầu năm            |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn          | 26,067,432,028        | 26,067,432,028        | 21,573,869,422        | 21,573,869,422        |
| Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên | 7,224,478,741         | 7,224,478,741         | 10,970,242,527        | 10,970,242,527        |
| <i>Công ty TNHH Connell Bros Việt Nam</i>         | 6,555,986,652         | 6,555,986,652         | 7,240,095,658         | 7,240,095,658         |
| <i>Công ty CP Việt Com</i>                        | 668,492,089           | 668,492,089           | 1,403,623,792         | 1,403,623,792         |
| <i>C.ty CP Tự động hóa Tân Đức</i>                | -                     | -                     | 2,326,523,077         | 2,326,523,077         |
| Các khoản phải trả người bán khác                 | 18,842,953,287        | 18,842,953,287        | 10,603,626,895        | 10,603,626,895        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>26,067,432,028</b> | <b>26,067,432,028</b> | <b>21,573,869,422</b> | <b>21,573,869,422</b> |

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn

c) Phải trả người bán là bên liên quan



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|                        | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| - DN Tư nhân Thanh Sơn | 346,862,055          | 305,817,074          |
| - Các khách hàng khác  | 1,867,258,310        | 2,665,498,150        |
| <b>Cộng</b>            | <b>2,214,120,365</b> | <b>2,971,315,224</b> |

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| a) Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế) | <b>Đầu năm</b>       | <b>Số phải nộp trong kỳ</b> | <b>Số đã nộp trong kỳ</b> | <b>Cuối kỳ</b>       |
|---|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------|
| - Thuế GTGT                               | 2,104,005,901        | 4,492,274,224               | 5,809,661,908             | 786,618,217          |
| - Thuế TNDN                               | 4,169,946,008        | 4,214,933,469               | 4,227,238,790             | 4,157,640,687        |
| - Thuế TNCN                               | 124,085,199          | 625,137,614                 | 558,009,787               | 191,213,026          |
| - Các loại thuế khác                      | -                    | -                           | -                         | -                    |
| <b>Cộng</b>                               | <b>6,398,037,108</b> | <b>19,927,255,792</b>       | <b>10,594,910,485</b>     | <b>5,135,471,930</b> |
| b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế) |                      |                             |                           |                      |
| - Thuế TNDN                               | 8,000,000            | 8,000,000                   | -                         | 0                    |
| <b>Cộng</b>                               | <b>8,000,000</b>     | <b>8,000,000</b>            | <b>-</b>                  | <b>0</b>             |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

| a) Ngắn hạn              | <b>Số cuối kỳ</b>  | <b>Số đầu năm</b>  |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| - Chi phí thuê nhà xưởng | 420,000,000        | 420,000,000        |
| - Chi phí kiểm toán      | 70,000,000         | 70,000,000         |
| b) Dài hạn               |                    |                    |
| <b>Cộng</b>              | <b>490,000,000</b> | <b>490,000,000</b> |

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

|                           | <b>Số cuối kỳ</b>  | <b>Số đầu năm</b>    |
|---------------------------|--------------------|----------------------|
| - Kinh phí công đoàn      | 219,246,009        | 350,593,711          |
| - Bảo hiểm xã hội         | 365,326,937        | 1,045,589,822        |
| - Bảo hiểm y tế           | 19,423,013         | 1,044,215            |
| - Phải trả, phải nộp khác | 308,378,077        | 1,266,531,767        |
| - Nhận ký quỹ, ký cược    | -                  | 535,708,642          |
| <b>Cộng</b>               | <b>912,374,036</b> | <b>3,199,468,157</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SON ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị : VND

|                            | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Vốn khác của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Vốn khác thuộc<br>chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng              |
|----------------------------|---------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b> | <b>29,700,000,000</b>     | <b>252,000,000</b>      |                            | <b>5,535,312,571</b>     | -                            | <b>6,987,325,777</b>                 | <b>42,474,638,348</b>  |
| Tăng vốn trong năm trước   | 85,300,000,000            |                         |                            |                          |                              |                                      | 85,300,000,000         |
| Lãi trong năm trước        |                           |                         |                            |                          |                              | 12,550,602,221                       | 12,550,602,221         |
| Tăng khác                  |                           |                         | -                          | 3,364,006,577            |                              |                                      | 3,364,006,577          |
| Giảm vốn trong năm trước   |                           |                         |                            |                          |                              |                                      | -                      |
| Phân phối lợi nhuận        |                           |                         |                            |                          |                              |                                      | -                      |
| Chia cổ tức                |                           |                         |                            |                          |                              | 3,340,328,862                        | 3,340,328,862          |
| Giảm khác                  |                           | 210,454,545             |                            |                          |                              | 3,992,845,792                        | 4,203,300,337          |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>   | <b>115,000,000,000</b>    | <b>41,545,455</b>       | -                          | <b>8,899,319,148</b>     | -                            | <b>12,204,753,344</b>                | <b>136,145,617,947</b> |
| Tăng vốn trong năm nay     | 2,500,000,000             |                         |                            |                          |                              |                                      | 2,500,000,000          |
| Lãi trong kỳ               |                           |                         |                            |                          |                              | 16,859,733,877                       | 16,859,733,877         |
| Tăng khác                  |                           |                         |                            | 2,000,000,000            | -                            |                                      | 2,000,000,000          |
| Giảm vốn trong kỳ          |                           |                         |                            |                          |                              |                                      | -                      |
| Lỗ trong kỳ                |                           |                         |                            |                          |                              |                                      | -                      |
| Chia cổ tức                |                           |                         |                            |                          |                              | 9,200,000,000                        | 9,200,000,000          |
| Giảm khác                  |                           |                         |                            |                          |                              | 3,227,762,285                        | 3,227,762,285          |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>       | <b>117,500,000,000</b>    | <b>41,545,455</b>       | -                          | <b>10,899,319,148</b>    | -                            | <b>16,636,724,936</b>                | <b>145,077,589,539</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

| <b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b> | <b>Tỷ lệ</b> | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|--------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của công ty mẹ                    |              |                        |                        |
| Vốn góp của các đối tượng khác            | 100%         | 117,500,000,000        | 115,000,000,000        |
| <b>Cộng</b>                               |              | <b>117,500,000,000</b> | <b>115,000,000,000</b> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                                     | <b>Số cuối kỳ</b> | <b>Năm trước</b> |
|-------------------------------------|-------------------|------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu           |                   |                  |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i>            | 115,000,000,000   | 115,000,000,000  |
| - <i>Vốn góp tăng trong năm (i)</i> | -                 | -                |
| - <i>Vốn góp giảm trong năm</i>     |                   |                  |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i>           | 115,000,000,000   | 115,000,000,000  |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia           |                   |                  |

**d) Cổ phiếu**

|  | <b>Số cuối kỳ</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 11,500,000        | 11,500,000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11,500,000        | 11,500,000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 11,500,000        | 11,500,000        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               |                   |                   |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         |                   |                   |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            |                   |                   |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               |                   |                   |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 11,500,000        | 11,500,000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 11,500,000        | 11,500,000        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               |                   |                   |

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|   | <b>Lũy kế đến cuối kỳ</b> |                  |
|---|---------------------------|------------------|
|   | <b>Năm nay</b>            | <b>Năm trước</b> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế  | 16,859,733,877            | 12,496,463,110   |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu | -                         | -                |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông   | 16,859,733,877            | 12,496,463,110   |
| Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm  | 11,500,000                | 11,500,000       |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b>1,466</b>              | <b>1,087</b>     |

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

|                                    | <b>Số cuối kỳ</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển            | 10,899,319,148    | 8,899,319,148     |
| - Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp | -                 | -                 |

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh****1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                      | <b>Lũy kế đến cuối kỳ</b> |                        |
|----------------------|---------------------------|------------------------|
|                      | <b>Năm nay</b>            | <b>Năm trước</b>       |
| Doanh thu BH và CCDV | 181,720,991,091           | 150,426,022,506        |
| <b>Cộng</b>          | <b>181,720,991,091</b>    | <b>150,426,022,506</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

Lũy kế đến cuối kỳ

|                     | Năm nay              | Năm trước |
|---------------------|----------------------|-----------|
| Hàng bán bị trả lại | 6,874,593,110        | -         |
| <b>Cộng</b>         | <b>6,874,593,110</b> | <b>-</b>  |

**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Lũy kế đến cuối kỳ

|                  | Năm nay                | Năm trước             |
|------------------|------------------------|-----------------------|
| Giá vốn hàng bán | 103,564,244,855        | 90,134,702,220        |
| <b>Cộng</b>      | <b>103,564,244,855</b> | <b>90,134,702,220</b> |

**4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lũy kế đến cuối kỳ

|                       | Năm nay            | Năm trước         |
|-----------------------|--------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi, cho vay | 147,195,079        | 36,958,146        |
| <b>Cộng</b>           | <b>147,195,079</b> | <b>36,958,146</b> |

**5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Lũy kế đến cuối kỳ

|              | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 2,162,273,929        | 1,907,787,836        |
| <b>Cộng</b>  | <b>2,162,273,929</b> | <b>1,907,787,836</b> |

**6. THU NHẬP KHÁC**

Lũy kế đến cuối kỳ

|                           | Năm nay            | Năm trước         |
|---------------------------|--------------------|-------------------|
| - Các khoản thu nhập khác | 602,998,991        | 70,251,255        |
| <b>Cộng</b>               | <b>602,998,991</b> | <b>70,251,255</b> |

**7. CHI PHÍ KHÁC**

Lũy kế đến cuối kỳ

|                        | Năm nay          | Năm trước |
|------------------------|------------------|-----------|
| Các khoản chi phí khác | 9,297,364        | -         |
| <b>Cộng</b>            | <b>9,297,364</b> | <b>-</b>  |

**8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Lũy kế đến cuối kỳ

|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ           | 10,762,728,255        | 9,185,270,231         |
| b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:                      | 38,023,380,302        | 33,293,791,022        |
| c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp | -                     | -                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>48,786,108,557</b> | <b>42,479,061,253</b> |

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Lũy kế đến cuối kỳ

|  | Năm nay              | Năm trước            |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                        | 21,074,667,346       | 16,011,680,598       |
| - Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế | -                    | -                    |
| - Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế | -                    | -                    |
| Số lỗ được chuyển từ các năm trước                       |                      |                      |
| Tổng thu nhập chịu thuế                                  | 21,074,667,346       | 16,011,680,598       |
| Thuế suất thuế TNDN                                      | 20%                  | 22%                  |
| Thuế TNDN hiện hành                                      | 4,214,933,469        | 3,522,569,732        |
| <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                  | <b>4,214,933,469</b> | <b>3,515,217,488</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016

**VIII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**IX. Những thông tin khác**

**1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

**2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và BCTC Quý IV năm 2015, BCTC Quý III năm 2016 của Công ty.

**4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**5 Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Hồng Thái**

**Hoàng Văn Tuấn**

**Nguyễn Văn Sơn**